

Khu Kênh Gà

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng Cộng		
			Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
Hôm trước chuyển sang					0
Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày			20,000	88	1,760,000
Được chi trong ngày					1,760,000
Đã chi trong ngày					1,760,000
1. Dịch vụ					88,000
1	chất đốt		1,000	88	88,000
2. Kho					511,500
Ăn chính					511,500
1	Sữa bột nguyên kem Nutifood	Kg	260,000	1.3	338,000
2	Muối iốt	Kg	10,000	0.37	3,650
3	Nước mắm Nam Ngư	Kg	55,000	0.1	5,500
4	Hành khô	Kg	35,000	0.05	1,750
5	Gạo tẻ máy	Kg	17,000	8.8	149,600
6	Dầu ăn Neptune	Kg	65,000	0.2	13,000
3. Đi chợ					1,160,500
Ăn chính					1,160,500
1	Bí đao (bí xanh)	Kg	20,000	3.1	62,000
2	Cà chua	Kg	14,000	0.8	11,200
3	Cà rốt (củ đỏ, vàng)	Kg	22,000	0.4	8,800
4	Củ dền	Kg	45,000	0.3	13,500
5	Hành tây	Kg	19,000	0.6	11,400
6	Súp lơ xanh	Gam	34,000	1.5	51,000
7	Thanh long	Kg	30,000	6.3	189,000
8	Tim lợn	Kg	160,000	1	160,000
9	Xương sườn lợn	Kg	142,000	0.8	113,600
10	Thịt bò móng	Kg	245,000	0.3	73,500
11	Hành lá	Kg	45,000	0.1	4,500
12	Thịt lợn móng nửa nạc nửa mỡ	Kg	140,000	3.3	462,000
Chi kho lũy kế từ đầu tháng					4,965,600
Chi chợ lũy kế từ đầu tháng					11,659,400
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng					875
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng					17,500,000
Đã chi lũy kế từ đầu tháng					17,500,000
Chênh lệch cuối ngày					

Kế toán



Vũ Thị Hương

Phó hiệu trưởng



Bùi Thị Nhâm

